

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2020/DS-PT

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp “*Di sản thừa kế, Chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Hồng Chi**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 8 và 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Di sản thừa kế, Chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 407/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1931 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1952 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- 3.2. Anh **Nguyễn Văn E**, sinh năm 1954 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp AC, xã AD, huyện A, Tiền Giang.
- 3.3. Chị **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1956 (Có mặt);
Địa chỉ: AE, xã AB, huyện A, Tiền Giang.
- 3.4. Chị **Nguyễn Thị F**, sinh năm 1959 (Có mặt);
Địa chỉ: AE, xã AF, huyện A, Tiền Giang.
- 3.5. Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1961 (chết ngày 23 tháng 11 năm 2016).
Người thừa kế của Nguyễn Thị G:
- 3.6. Anh **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1966 (Xin vắng);
- 3.7. Chị **Huỳnh Thị Hồng I**, sinh năm 1991 (Xin vắng);
- 3.8. Chị **Huỳnh Thị Tú J**, sinh năm 2001 (Xin vắng);
Cùng địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
- 3.9. Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1963 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp AE, xã AF, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
- 3.10. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967 (Có mặt);
Địa chỉ: 334/3 tổ 9 Ấp AA, xã AB, huyện A, Tiền Giang.
- 3.11. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1968 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
- 3.12. Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: 398 tổ 8, Ấp AA P, xã Song Nộn, A, Tiền Giang.
- 3.13. Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
4. Người làm chứng:
- 4.1. Anh **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1956 (Xin vắng);
Địa chỉ: Ấp Mỹ, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
- 4.2. Anh **Lê Tấn Q**, sinh năm 1968 (Xin vắng);
Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.
5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thế P chung sống trước năm 1952, có các con chung Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị F, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị P. Ông P mất vào ngày 15/10/2016, G mất 23/11/2016. Chị G có chồng tên Huỳnh Văn H và O con tên Huỳnh Thị Hồng I, Huỳnh Thị Tú J. Bà và ông P tạo lập tài sản chung gồm quyền sử dụng đất diện tích theo giấy 7,670m² do ông P đứng tên và tài sản gắn liền đất, nên ½ tài sản là di sản của ông P. Bà yêu cầu công nhận tài sản nói trên là tài sản chung của bà và ông P, bà yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông P cho bà đối với tài sản nói trên và được nhận thửa đất 2782, thửa đất 2596 và 2597 và tài sản gắn liền. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà rút yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P, về yêu cầu chia tài sản chung bà nhận: thửa đất 2782 và tài sản gắn liền, thửa đất 2596, 2597 thì mỗi thửa P phân diện tích theo đo đạc cụ thể P phần của thửa đất số 2596 diện tích 336,4m², P phần của thửa đất 2597 diện tích 402,9m² và cây trên đất, đất có vị trí giáp đất ông T. Do đó bà không đồng ý nhận vị trí đất theo ý kiến của anh C vì tài sản là do bà và ông P cực khổ tạo lập, bà có quyền quyết định, còn anh C là con không có quyền chỉ định cho bà và vị trí đất bà yêu cầu có thửa 2782 là nơi bà đang ở, còn P phần của thửa 2596, 2597 anh C cũng không có quản lý sử dụng. Căn nhà và mái che quán giải khát của chị N trên thửa 2782, do thửa đất này bà yêu cầu nhận nên giữ nguyên cho chị N tiếp tục sử dụng. Căn nhà trên thửa đất 2782 bà đang ở là của bà và ông P, tài sản này có từ lúc anh C còn ở chung, còn học, sau đi làm ở xã, chị P là con gái của bà vẫn còn ở chung và nhà lợp tole trước khi đám cưới chị P. Nếu anh C muốn chia 1/3 giá trị căn nhà, bà đồng ý. Về cây trồng trên thửa đất 2594, 2595 bà có ý kiến: đất này là đất ruộng, khi anh C có vợ ra riêng, mới vô căn chòi trên thửa 2594 ở như anh C trình bày. Anh C chủ động đắp mô, đào mương lên liếp, chiếc cây của nhà ra để trồng, đến khi cây có trái, anh C là người hưởng huê lợi đến nay. Khi anh C đào mương lên liếp, đắp mô, khiến cây thì có con rễ của bà gồm Nguyễn Văn O là chồng của Bé B và Huỳnh Văn H là chồng của G và các con trong gia đình cùng làm. Con rễ, con ruột phụ làm cho cha mẹ, không có ai nhận tiền hay có yêu cầu gì về công sức nên bà nghĩ cây trồng trên thửa đất 2594, 2595 dù anh C quản lý, hưởng huê lợi cũng là tài sản chung của bà và ông P. Đối với tủ thờ bằng gỗ có trong nhà bà đang ở là của bà và ông P nhưng anh C cho rằng của anh C mua. Bà cho rằng tủ này không phải là tài sản tranh chấp, khi anh C cần thì đến nhận, không ghi trong bản án.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Anh có ý kiến thống nhất với lời trình bày của bà B về: hàng thừa kế của ông P, tài sản chung của bà B và ông P tạo lập là quyền sử dụng đất có diện tích theo giấy 7.670m² và tài sản gắn liền với đất, ngoại trừ tài sản của vợ chồng anh tạo lập

và cây trồng trên thửa đất 2594, 2595. Do đó di sản của ông P là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, ông P có di chúc lập ngày 07/10/2012 cho anh hưởng di sản của ông P là 3.835m² và tài sản hoa màu có trên đất tại ấp AA, xã AB, A, Tiền Giang nên di sản của ông P không còn, anh không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của chị N, bà B. Tại phiên tòa cả O rút yêu cầu này, anh không có ý kiến. Hiện anh quản lý sử dụng thửa đất 2594 và 2595, trên đất có tài sản chung của anh và chị M gồm: Căn nhà cột bê tông cốt thép, vách Bông, chưa tô, nền xi măng, tole sóng vuông; Kho chứa cột bê tông đúc sẵn, vách tole, nền đất, mái tole xi măng; Sân xi măng; Chuồng dê cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tole sóng vuông; Hàng rào trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40; lên liếp và trồng cây. Do năm 1998 anh cưới chị M, về sống chung với cha mẹ của anh tại căn nhà trên thửa đất 2782. Đến năm 2000 anh và chị M ra riêng, cất chòi ở trên thửa đất nói trên. Lúc đó thửa đất 2594, 2595 là đất ruộng, anh làm ruộng N hoạch hưởng chung cùng gia đình. Đến giữa năm 2000 thì ông P cho anh sử dụng, hưởng riêng nên anh lên liếp từ đất ruộng lên trồng rẫy, đắp mô trồng cây trên đất và hưởng huê lợi đến nay không ai có ý kiến. Cây trên thửa đất 2596, 2597 và 2782 do anh trồng, chăm sóc từ thời điểm chưa có gia đình, huê lợi hưởng chung chi phí cho sinh hoạt gia đình, anh thống nhất là tài sản của cha, mẹ.

Căn nhà cột bê tông, cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông mẹ của anh đang ở cất trên thửa đất 2782. Trước lợp lá, sau lợp tole từ nguồn tiền của anh làm chung với cha mẹ lúc chưa có gia đình nên là nhà của anh và cha mẹ. Ngoài ra còn 01 cái tủ thờ bằng gỗ anh mua để trong nhà thờ cúng tổ tiên. Do mẹ của anh yêu cầu nhận đất có căn nhà bà đang ở, anh thống nhất căn nhà là của cha mẹ, không yêu cầu gì về giá trị căn nhà. Đối với tủ thờ, không phải là tài sản tranh chấp, anh để đó mẹ của anh xài, khi nào anh cần sẽ nhận lại, không ghi trong bản án.

Về yêu cầu chia tài sản chung của mẹ anh, anh thống nhất. Nhưng mẹ của anh yêu cầu nhận thửa đất 2782, thửa 2596, 2597 hay P phần diện tích của các thửa 2596, 2597, anh sử dụng thửa 2594, 2595. Anh không đồng ý, vì anh em của anh được cho nhiều hơn anh, mà anh là người cực khổ, di chúc của cha anh lập có diện tích nhiều hơn thửa 2594, 2595 nên anh có ý kiến bà B chỉ nhận thửa 2782. Anh tiếp tục sử dụng thửa 2594, 2595. Nếu bà B không đồng ý, anh đề nghị: Phân $\frac{1}{2}$ thửa 2782, bà nhận vị trí đất có căn nhà bà đang ở, có nhà của chị N về hướng Bắc giáp đất của anh D. Còn thửa đất 2594, 2595, 2596, 2597 thì bà B nhận đất theo ý kiến của anh có vị trí thể hiện theo sơ đồ cụ thể: Thửa 2594 tách P phần ở hướng Bắc diện tích 845,1m². Theo hướng Nam thửa đất 2594 giáp thửa đất 2596, 2595 thì tách 1 phần diện tích 336,4 m² của thửa 2596 và 01 phần thửa 2597 diện tích 402,9m². Đất còn: $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 2782 về hướng Nam giáp Sông Tiền và thửa 2596, 2597 anh quản lý sử dụng. Trường hợp bà B có nhu cầu ở tại thửa đất 2596, 2597, anh đề bà sử dụng khoảng 200 đến 300m² cất nhà, khi bà mãn phần, anh sử

dụng phần đất này do bà B lớn tuổi làm không nổi để đảm bảo quyền lợi của anh khi anh có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P theo di chúc. Việc chị N yêu cầu anh chịu 1.000.000 đồng chi phí thẩm định, định giá ngày 30/10/2019, anh không đồng ý vì trong vụ án này anh không phải là người kiện, anh chỉ là người đưa ra ý kiến đối với yêu cầu của người kiện anh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Ba của chị tên Nguyễn Thế P sinh năm 1927, mất ngày 15/10/2016 và mẹ tên Nguyễn Thị B. Ông P và bà B tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất R tờ bản đồ số 1 gồm thửa 2594, 2595, 2596, 2957 và 2782 với tổng diện tích theo giấy 7.670m² tại ấp AA, AB, A, Tiền Giang. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 ngày 19/3/1997 cho ông P. Hàng thừa kế của ông P gồm: ông nội của chị tên Nguyễn Văn Chon sinh năm 1902, bà nội Võ Thị Chơ sinh năm 1901, cả O đều chết. Ông P và bà B có các con gồm: Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị F, Nguyễn Thị G chết ngày 23 tháng 11 năm 2016, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L, chị, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị P. Chị G có chồng tên Huỳnh Văn H và 02 con của chị G tên Huỳnh Thị Hồng I, Huỳnh Thị Tú J. Sau khi ba của chị mất, mẹ của chị cùng các anh chị em đứng ra phân chia di sản thừa kế của ông P theo quy định của pháp luật thì anh C không đồng ý. Do đó chị kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P để lại là ½ quyền sử dụng đất nói trên. Chị yêu cầu nhận đất và gộp vào tài sản chung của bà B tại vị trí có căn nhà của ba mẹ R thửa 2782. Về tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: Căn nhà cột bê tông, cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông; nhà tắm trên thửa đất 2782 và cây trồng trên tất cả các thửa đất nói trên là tài sản của ông P, bà B. Riêng căn nhà trên thửa 2782 có kết cấu cột bê tông, vách Bông không tô, nền gạch men, mái tole sóng vuông và mái che bằng cột bê tông đúc sẵn, không vách nền xi măng, mái tole sóng vuông là của chị.

Tại phiên tòa chị rút yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P. Đối với yêu cầu của mẹ chị, mẹ chị quyết định. Mẹ của chị có quyền chọn vị trí đất bà nhận vì tại phần đất bà yêu cầu có căn nhà bà đang ở, là tài sản chung của bà và ba chị tạo nên. Còn C chỉ là con không có quyền định đoạt vị trí đất bà B phải nhận theo ý kiến của anh C.

Về tiền tạm ứng chi phí chị nộp 12.163.992 đồng để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 28/8/2019 là 1.500.000 đồng và lần 2 ngày 30/10/2019 là 1.000.000 đồng, tiền N đo đạc 9.663.992 đồng theo hóa đơn bán hàng số 02974 ngày 19/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện A. Chị yêu cầu anh C có nghĩa vụ chịu 1.000.000 đồng vì tiến hành lần 2 vào ngày 30/10/2019 do anh C có ý kiến bà B nhận quyền sử dụng đất khác so với yêu cầu của chị và bà B nên phát sinh chi phí kiểm đếm lại tại sản. Số tiền còn lại chị đề nghị được nhận lại do trong vụ án này chị rút yêu cầu khởi kiện, không được chia tài sản.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị là vợ của anh C, thống nhất với ý kiến của anh C. Về phân tài sản trên thửa 2594, 2595 là tài sản chung của vợ chồng tạo lập sau khi ra sống riêng. Phần đất này trước là đất ruộng. Sau đào mương, lên liếp, làm rẫy, đắp mô là do vợ chồng chị làm. Việc có ai phụ với anh C khi thực hiện công việc trên và số cây từ đâu thì chị không rõ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh từ chối nhận di sản thừa kế của ông P nên anh không có ý kiến về yêu cầu này mà đương sự đã rút. Anh thống nhất lời trình bày của bà B, bà toàn quyền quyết định về yêu cầu của mình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Bé B, chị Nguyễn Thị F, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Các đương sự thống nhất với lời trình bày của bà B, chị N về: Hàng thừa kế của ông P như trên, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất 2782, 2596, 2597 và cây trồng trên thửa 2594, 2595 là tài sản chung của bà B và ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày sẽ có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P và nhận bằng quyền sử dụng đất gộp vào phần diện tích đất tại vị trí bà B được nhận. Nhưng các đương sự chưa có đơn và tại phiên tòa xác định chưa có yêu cầu về việc chia di sản thừa kế của ông P. Đối với yêu cầu chị N, bà B rút không có ý kiến. Riêng bà B còn yêu cầu chia tài sản chung của bà với ông P, các đương sự thống nhất theo ý kiến của bà B về việc chọn vị trí đất bà nhận. Vì bà có toàn quyền quyết định tài sản của bà và ông P tạo lập, bà phải là người được định đoạt tài sản của mình, đất bà yêu cầu nhận hiện anh C không quản lý sử dụng nên không phụ R vào ý kiến của anh C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Hồng I trình bày:*

Mẹ của chị tên Nguyễn Thị G chết ngày 23 tháng 11 năm 2016, có chồng tên Huỳnh Văn H là cha ruột của chị. Cha, mẹ của chị có O con chung gồm chị và em của chị tên Huỳnh Thị Tú J. Chị thống nhất với lời trình bày của chị N, bà B là dì và bà ngoại của chị, chị không có yêu cầu gì về tài sản nói trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn H, chị Huỳnh Thị Tú J trình bày:*

Anh Huỳnh Văn H là chồng của chị Nguyễn Thị G, là cha của I và J. I có ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị N, cả O đương sự không có yêu cầu gì đối với di sản thừa kế của ông P.

* Bản án sơ thẩm số:407/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang: Áp dụng khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 245, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 15, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 33, 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 105, 208, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 18, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận P phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc công nhận, chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Thế P.

1. Công nhận tài sản chung của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thế P gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa 2782, diện tích đo thực tế 2,246m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1,946m².

Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà chính diện tích 93m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn và cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông. Nhà tắm diện tích 3,2m², kết cấu cột gạch, vách Bông tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole trên thửa đất 2782 và cây trồng trên đất như Mít, Dừa, Chuối, Khế, Vú sữa, Nhãn, Dâu, Tre, Lý, Me, Bưởi, Xoài.

- Quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất 2594, diện tích đo thực tế 3361,4m². Thửa 2595, diện tích đo thực tế 220,6m². Thửa 2596, diện tích đo thực tế 580,1m² và thửa đất 2597, diện tích đo thực tế 944,2m².

- Cây trồng trên thửa đất 2596, 2597 như Sápô, Dừa, Xoài, Chuối, Nhãn, Mận, Tắc, Bưởi.

Các thửa đất nói trên R tờ bản đồ số 01, tại ấp AA, xã AB, huyện A, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 được Ủy ban nhân dân huyện A, Tiền Giang cấp ngày 19 tháng 3 năm 1997 cho Nguyễn Thế P.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị B gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất gồm; Thửa đất số 2782, diện tích 2,246 m². P phần của thửa đất số 2596, diện tích 336,4m² và P phần của thửa đất số 2597, diện tích 402,9m². Đất R tờ bản đồ số 01, tại ấp AA, xã AB, huyện A, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 được Ủy ban nhân dân huyện A, Tiền Giang cấp ngày 19 tháng 3 năm 1997 cho Nguyễn Thế P.

Đất có vị trí như sau:

Thửa đất 2782: Đông giáp đất Hà Tất U, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất bãi bồi Sông Tiền, Bắc giáp đất Nguyễn Văn D;

P phần của thửa đất 2596: Đông giáp kênh và đường bê tông, Tây giáp đất ông P, Nam giáp đất Lê Văn T, Bắc giáp đất còn lại;

P phần của thửa đất 2597: Đông giáp đất ông P, Tây giáp Nguyễn Văn S, Nam giáp đất Lê Văn T, Bắc giáp đất còn lại;

(Có sơ đồ các thửa đất kèm theo).

2.2. Quyền sở hữu tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên, cụ thể:

- Nhà chính, diện tích 93m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn và cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông; Nhà tắm diện tích 3,2m², kết cấu cột gạch, vách Bông tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole được xây cất trên thửa đất 2782 và cây trồng trên đất như Mít, Dừa, Chuối, Khế, Vú sữa, Nhãn, Dâu, Tre, Lý, Me, Bưởi, Xoài.

- Cây trồng trên P phần của thửa đất số 2596, diện tích 336,4m² và P phần của thửa đất số 2597, diện tích 402,9m².

2.3. Bà Nguyễn Thị B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên và quyền sở hữu tài sản là căn nhà nêu trên xây cất trên thửa đất 2782 theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B giữ nguyên hiện trạng căn nhà diện tích 26,7m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách Bông không tô, nền gạch men, mái tole sóng vuông và mái che của quán giải khát diện tích 37,6m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole sóng vuông, xây cất trên thửa đất 2782 và chị N được quyền tiếp tục sử dụng tài sản này.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thế P, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc với số tiền 12.163.992 (C O triệu P trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm chín mươi O) đồng.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/12/2019, anh Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 407/2019/DSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang theo hướng cho bà Nguyễn Thị B nhận thửa đất 2782, P phần thửa đất 2596 và P phần thửa đất 2597 có diện tích khoảng 200 -300m² tại vị trí đất bà B yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên kháng cáo không đồng ý chia cho bà B 739,3m² tại 02 thửa 2596 và 2597, chỉ chấp nhận chia

từ 200m² đến 300m² tại 02 thửa nêu trên. Bà B cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Về nội dung, Viện kiểm sát cho rằng anh Nguyễn Văn C kháng cáo là không có căn cứ, tài sản tranh chấp là của ông P và bà B, quyền lợi của bà được hưởng là thấp hơn tài sản còn lại. Vị trí phân chia theo án sơ thẩm là phù hợp với thực tế sử dụng đất. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được tuyên vào ngày 28/11/2019. Không đồng ý với kết quả trên, ngày 13/12/2019, anh Nguyễn Văn C nộp đơn kháng cáo. Kháng cáo được thực hiện đúng thủ tục, trong hạn luật định nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Căn cứ và đơn khởi kiện, lời trình bày của các nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm với quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế và chia di sản chung là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm qua khảo sát, thẩm định thực tế, căn cứ vào nhu cầu, điều kiện sử dụng đất, giá trị từng phần đất cũng như tài sản và quyền về tài sản trên đất, đã phân chia, phân định giao quyền sử dụng đất cho những người có liên quan trong quan hệ tranh chấp.

Anh Nguyễn Văn C không đồng ý với vị trí đã phân chia tại án sơ thẩm, anh kháng cáo yêu cầu chia cho bà B được nhận thửa đất 2782, P thửa đất 2596 và P thửa đất 2597 với diện tích B 200m² đến 300m².

Qua chứng minh bằng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự cho thấy: Tài sản là đất đai hiện tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng ông Nguyễn Thế P và bà Nguyễn Thị B. Ông P và bà B xác lập quan hệ hôn nhân trước năm 1952, là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, tài sản có trước hoặc sau quan hệ hôn nhân ông P và bà B đều có quyền ngang nhau. Ông P, bà B có các con chung gồm: Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị F, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị P. Chi G chết ngày

23/11/2016 có chồng tên Huỳnh Văn H và 02 con Huỳnh Thị Hồng I, Huỳnh Thị Tú J. Ông P chết vào ngày 15/10/2016, không để lại di chúc.

Căn cứ vào ý kiến đương sự nêu trên; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ngày 28/8/2019, 30/10/2019; biên bản xác minh ngày 28/8/2019 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thì tài sản chung của bà B và ông P gồm:

Thửa đất 2782, diện tích 2,650 m² đo thực tế 2,246m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1,946 m². Thửa đất 2594, diện tích 3,300m² đo thực tế 3361,4m², đất trồng cây lâu năm. Thửa đất 2595 diện tích 200m² đo thực tế 220,6m², đất trồng cây lâu năm. Thửa đất 2596 diện tích 620m² đo thực tế 580,1m², đất trồng cây lâu năm. Thửa đất 2597 diện tích 900m² đo thực tế 944,2m², đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 cấp ngày 19/3/1997 cho ông Nguyễn Thê P. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của ông P, bà B tạo lập: Nhà chính diện tích 93m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn và cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông; nhà tắm diện tích 3,2m², kết cấu cột gạch, vách Bông tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole cát trên thửa đất 2782 và cây trên đất như Mít, Dừa, Chuối, Khế, Vú sữa, Nhãn, Dâu, Tre, Lý, Me, Bưởi, Xoài. Cây trên thửa đất 2596, 2597 như Sapo, Dừa, Xoài, Chuối, Nhãn, Mận, Tắc, Bưởi. Giá trị tài sản chung của bà B và ông P đối với tài sản nói trên, trị giá như sau:

(1) Thửa đất 2782 diện tích 2,246m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1,946 m², là 2.051.400.000 đồng gồm: {300m² đất ở là 300.000.000 đồng (1.000.000 đồng/m²); 1,946m² đất trồng cây lâu năm là 1.751.400.000 đồng (900.000 đồng/m²)} và tài sản gắn liền với đất là 107.935.640 đồng gồm: Nhà chính 29.946.000 đồng, nhà tắm 1.648.640 đồng và cây trồng 76.341.000 đồng. Tổng cộng là 2.159.335.640 đồng.

(2) Thửa đất 2594, 2595, 2596 và 2597, đất trồng cây lâu năm, 600.000 đồng/m², cụ thể: thửa 2594, diện tích 3361,4m² là 2.016.840.000 đồng; thửa 2595, diện tích 220,6m² là 132.360.000 đồng; thửa 2596, diện tích 580,1m² là 348.060.000 đồng; thửa 2597, diện tích 944,2m² là 566.520.000 đồng. Tổng cộng là 3.063.780.000 đồng.

(3) Cây trồng trên thửa đất 2596 và 2597 là 37.868.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản nêu tại (1), (2) và (3) là 5.260.983.640 đồng.

Ngoài ra, các đương sự thống nhất tài sản còn lại trên các thửa đất 2782 là của chị N, của anh C và chị M như sau: Nhà diện tích 26,7m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách Bông không tô, nền gạch men, mái tole sóng vuông và mái che của quán

giải khát diện tích 37,6m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole sóng vuông trên thửa đất 2782 của chị N xây cất. Tài sản của anh C và chị M trên thửa đất 2594, 2595 gồm: Nhà chính diện tích 203,19m², kết cấu cột bê tông cốt thép, vách Bông chưa tô, nền xi măng, mái tole sóng vuông; kho chứa diện tích 20m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tole, nền đất, mái tole xi măng; sân si măng diện tích 83m²; chuồng dê diện tích 16,8m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, nền đất, mái tole sóng vuông; hàng rào diện tích 144,75m², kết cấu trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40 và chi phí lên liếp.

Riêng cây trồng trên thửa đất 2594 và 2595 như Sapo, Tắc, Mít, Mận, Dừa, Cóc, Cam, Bưởi, Khế, Điều (Đào lộn hột), trị giá 153.344.000 đồng. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn thống nhất là tài sản chung của bà B, ông P. Nhưng anh C, chị M không thừa nhận, bởi anh chị trình bày là tài sản chung của anh chị.

Xét thấy, lời trình bày của anh C về thời điểm anh, chị M xác lập hôn nhân thì anh chị sống chung với bà B, ông P tại căn nhà trên thửa đất 2782. Sau anh và chị M ra riêng sống tại căn chòi trên phần đất nói trên. Thời điểm này, thửa đất 2594, 2595 là đất lúa, anh C làm N hoạch hưởng chung với gia đình. Đến giữa năm 2000 thì ông P cho anh sử dụng, hưởng riêng nên anh lên liếp từ đất ruộng lên trồng rẫy, đắp mô trồng cây trên đất và hưởng huê lợi đến nay, không được các đương sự thừa nhận ông P cho anh C sử dụng riêng, hưởng riêng như anh C trình bày. Tuy nhiên phù hợp với lời trình bày của bà B. Bởi tại phiên họp ngày 13/11/2019 và tại phiên tòa bà B trình bày khi anh C có vợ ra riêng thì ở căn chòi trên thửa đất 2594. Anh C chủ động đắp mô, đào mương, lên liếp, chiết cây của nhà ra để trồng, là người duy nhất chăm sóc cho đến khi cây có trái, là người hưởng huê lợi đến nay. Đồng thời khoảng thời gian khi anh C bắt đầu trồng cây, hưởng huê lợi đến nay đã trên 20 năm không có đương sự nào có ý kiến hay tranh chấp về cây nói trên. Do đó toàn bộ cây trên thửa đất 2594, 2595 không phải là tài sản chung của ông P và bà B là có cơ sở. Tại phiên tòa anh C xác định tài sản gắn liền với các thửa đất này bao gồm cây trồng là tài sản chung của anh và chị M tạo lập và chị M có ý kiến thống nhất nên cây trồng trên thửa đất 2594, 2595 là tài sản chung của chị M và anh C.

Vì vậy tài sản chung của ông P và bà B được nêu tại (1), (2), (3) và có tổng trị là 5.260.983.640 đồng.

Về yêu cầu chia tài sản chung, bà B yêu cầu nhận bao gồm: Thửa đất 2782 và tài sản gắn liền. P phần của thửa đất số 2596 diện tích 336,4m², P phần của thửa đất 2597 diện tích 402,9m² và cây trên đất, đất có vị trí giáp đất ông T.

Thực tế sử dụng đất: Bà B quản lý sử dụng thửa đất 2782 diện tích đo thực tế 2,246m² và tài sản gắn liền với đất. Anh C quản lý sử dụng thửa đất 2594 diện tích đo thực tế 3361,4m²; thửa đất 2595 diện tích đo thực tế 220,6m². Hiện chưa có đương sự nào quản lý, sử dụng thửa đất 2596 diện tích đo thực tế 580,1m² và thửa đất 2597 diện tích đo thực tế 944,2m² và cây trên đất.

Về yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông P, các đương sự và anh C đều thống nhất. Tuy nhiên anh C có ý kiến, tài sản của ông P và bà B tạo lập: thửa đất 2782 riêng lẻ, còn các thửa 2594, 2595, 2596, 2597 liền kề nhau nhưng vị trí đất thửa 2782 và các thửa còn lại tại O nơi khác nhau, giá trị thửa 2782 cao so với các thửa khác. Do đó bà B yêu cầu nhận quyền sử dụng đất cũng phải nhận mỗi nơi P phần Bong đương ½ diện tích thửa đất theo ý kiến của anh trình bày ở phần nội dung nêu trên. Bởi thửa đất 2782 bà B quản lý sử dụng có giá trị cao, Nặng tiện so với các thửa đất còn lại. Đồng thời anh C trình bày ½ giá trị tài sản chung của bà B và ông P còn lại là di sản của ông P có di chúc cho anh thừa kế nên anh không đồng ý theo vị trí đất bà B chọn nhằm đảm bảo quyền lợi của anh khi anh có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P theo di chúc.

Xét thấy, trên thửa đất 2782 có căn nhà và công trình khác là tài sản chung của bà B, ông P và bà B đã ở, quản lý sử dụng nhà và đất từ thời điểm ông P còn sống, cũng như lúc anh C còn sống chung. Còn P phần của thửa đất 2596 diện tích 336,4m², P phần của thửa đất số 2597 diện tích 402,9m² và cây trên đất. Bà B yêu cầu nhận, hiện chưa có đương sự nào quản lý sử dụng ngay cả anh C cũng không. Tài sản bà B yêu cầu nhận là tài sản của bà và ông P tạo lập, giữ gìn và bà đang quản lý sử dụng thửa 2782 nên yêu cầu của bà phù hợp với thực tế sử dụng đất. Đồng thời tài sản bà B yêu cầu nhận có giá trị là 2.620.677.640 đồng, gồm: (1) là 2.159.335.640 đồng + 443.580.000 đồng {739,3m² x 600.000 đồng/m² (thửa 2596 diện tích 336,4m² là 201.840.000 đồng, thửa đất 2597 diện tích 402,9m² là 241.740.000 đồng) + 17.762.000 đồng (Giá trị cây trên P phần của các thửa đất 2596, 2597), cũng chưa đủ ½ giá trị tài sản chung của bà và ông P. Bởi ½ giá trị tài sản bà được chia là 2.630.491.820 đồng. Ngoài ra việc anh C có ý kiến, bà B nhận ½ diện tích thửa 2782, nhận thửa 2594 diện tích 845,1m² theo hướng Bắc, theo hướng Nam nhận thửa 2596 diện tích 336,4 m² và thửa 2597 diện tích 402,9m² là không phù hợp. Bởi việc chia theo phần như ý kiến của anh C thì vị trí đất bà B nhận của các thửa 2594, 2595, 2596, 2597 không liền nhau, không Nặng cho việc sử dụng đất và hiện thửa 2594, 2595 anh C đang quản sử dụng, có tài sản của anh và chị M trên đất. Cho nên yêu cầu của bà B về nhận tài sản được chia theo vị trí bà

chọn nói trên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản của chị N trên thửa đất 2782 gồm: Nhà diện tích 26,7m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách Bông không tô, nền gạch men, mái tole sóng vuông và mái che của quán giải khát diện tích 37,6m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole sóng vuông. Bà B đồng ý giữ nguyên hiện trạng và cho chị N sử dụng nên ghi nhận.

[4] Với thực tế sử dụng đất và như nhận định như trên, xác định tài sản tranh chấp là của chung ông P và bà B, án sơ thẩm chấp nhận P phần yêu cầu của bà là có cơ sở, anh C chỉ là con, trước đây cùng là thành viên trong hộ gia đình, hiện anh đang quản lý, canh tác trên ½ tài sản của cha mẹ. Anh C kháng cáo yêu cầu được giao tài sản cho bà B theo ý của anh, yêu cầu này là không hợp lý, không thể được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C không được chấp nhận, nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 245, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 15, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 33, 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 105, 208, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 18, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 407/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận P phân yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc công nhận, chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Thế P.

1. Công nhận tài sản chung của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thế P gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa 2782, diện tích đo thực tế 2,246m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 1,946m².

Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà chính diện tích 93m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn và cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông. Nhà tắm diện tích 3,2m², kết cấu cột gạch, vách Bông tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole trên thửa đất 2782 và cây trồng trên đất như Mít, Dừa, Chuối, Khế, Vú sữa, Nhãn, Dâu, Tre, Lý, Me, Bưởi, Xoài.

- Quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất 2594, diện tích đo thực tế 3361,4m². Thửa 2595, diện tích đo thực tế 220,6m². Thửa 2596, diện tích đo thực tế 580,1m² và thửa đất 2597, diện tích đo thực tế 944,2m².

- Cây trồng trên thửa đất 2596, 2597 như Sápô, Dừa, Xoài, Chuối, Nhãn, Mận, Tắc, Bưởi.

Các thửa đất nói trên R tờ bản đồ số 01, tại ấp AA, xã AB, huyện A, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 được Ủy ban nhân dân huyện A, Tiền Giang cấp ngày 19 tháng 3 năm 1997 cho Nguyễn Thế P.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị B gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất gồm; Thửa đất số 2782, diện tích 2,246 m². P phần của thửa đất số 2596, diện tích 336,4m² và P phần của thửa đất số 2597, diện tích 402,9m². Đất R tờ bản đồ số 01, tại ấp AA, xã AB, huyện A, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất có số vào sổ 0012123 được Ủy ban nhân dân huyện A, Tiền Giang cấp ngày 19 tháng 3 năm 1997 cho Nguyễn Thế P.

Đất có vị trí như sau:

Thửa đất 2782: Đông giáp đất Hà Tất U, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất bãi bồi Sông Tiền, Bắc giáp đất Nguyễn Văn D;

P phần của thửa đất 2596: Đông giáp kênh và đường bê tông, Tây giáp đất ông P, Nam giáp đất Lê Văn T, Bắc giáp đất còn lại;

P phần của thửa đất 2597: Đông giáp đất ông P, Tây giáp Nguyễn Văn S, Nam giáp đất Lê Văn T, Bắc giáp đất còn lại;

(Có sơ đồ các thửa đất kèm theo).

2.2. Quyền sở hữu tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên, cụ thể:

- Nhà chính, diện tích 93m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn và cây tạp, vách ván, nền gạch tàu, mái tole sóng vuông; Nhà tắm diện tích 3,2m², kết cấu cột gạch, vách Bông tô 2 mặt, nền xi măng, mái tole được xây cất trên thửa đất 2782 và cây trồng trên đất như Mít, Dừa, Chuối, Khế, Vú sữa, Nhãn, Dâu, Tre, Lý, Me, Bưởi, Xoài.

- Cây trồng trên P phân của thửa đất số 2596, diện tích 336,4m² và P phân của thửa đất số 2597, diện tích 402,9m².

2.3. Bà Nguyễn Thị B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên và quyền sở hữu tài sản là căn nhà nêu trên xây cất trên thửa đất 2782 theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B giữ nguyên hiện trạng căn nhà diện tích 26,7m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách Bông không tô, nền gạch men, mái tole sóng vuông và mái che của quán giải khát diện tích 37,6m², kết cấu cột bê tông đúc sẵn, không vách, nền xi măng, mái tole sóng vuông, xây cất trên thửa đất 2782 và chị N được quyền tiếp tục sử dụng tài sản này.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Thế P, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc với số tiền 12.163.992 (C O triệu P trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm chín mươi O) đồng.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (P triệu O trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai N tiền số 01015 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

6.2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh C đã nộp theo biên lai số 01633 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang, nên xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Nạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ, ngày 15/ 9/2020 có mặt bà B, anh C, anh D, chị Bé B, chị L, chị N, chị P; Các đương sự còn lại vắng mặt)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện A;
 - Chi cục THADS huyện A;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Trung Hiếu